

Lịch 2026

Ngày nghỉ liên bang Mỹ - ngày có viền

Tháng 1

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

Tháng 2

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28

Tháng 3

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

Tháng 4

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30		

Tháng 5

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

Tháng 6

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30				

Tháng 7

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

Tháng 8

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

Tháng 9

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30			

Tháng 10

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

Tháng 11

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

Tháng 12

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

01-01 Tết Dương lịch

02-16 Ngày sinh Washington

06-19 Ngày Juneteenth

09-07 Ngày Lao động

11-11 Ngày Cựu chiến binh

12-25 Lễ Giáng sinh

Ngày lễ thực tế: 2026-07-04.

Nhân viên liên bang, lịch T2-T6. Nguồn: OPM / kiểm tra 2026-09-19.

01-19 Ngày Martin Luther King, Jr.

05-25 Ngày Tưởng niệm

07-03 Ngày Độc lập (nghỉ bù)

10-12 Ngày Columbus

11-26 Lễ Tạ ơn